



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

24/11/2025 – 28/11/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Tích lũy thành công 1.600-1.620 điểm, sẵn sàng cho nhịp tăng 1.700+

- Thị trường chứng khoán thế giới chịu áp lực điều chỉnh giảm từ nhóm cổ phiếu trí tuệ nhân tạo (AI). Trên thị trường chứng khoán Mỹ, dù hồi mạnh trong phiên ngày thứ Sáu, cả ba chỉ số chính của chứng khoán Mỹ vẫn giảm mạnh trong tuần vừa qua, với S&P 500 mất 2% điểm số trong cả tuần, Dow Jones cũng giảm khoảng 2%, và Nasdaq mất 2,7%. Không chỉ cổ phiếu giảm mạnh tuần vừa qua mà Thị trường tiền ảo giảm mạnh và Vàng cũng bị bán mạnh. Theo dữ liệu từ trang Coinmarketcap.com, giá đồng tiền số lớn nhất thế giới bitcoin đã giảm gần 13% trong tuần này, còn dưới 84.000 USD ở thời điểm trưa ngày 22/11 theo giờ Việt Nam, mức thấp nhất kể từ tháng 10 năm ngoái. Giá vàng giảm 0,4% trong tuần này, trong khi chỉ số Dollar Index tăng 0,9%, do biến động kỳ vọng lãi suất Fed. Trong tuần vừa qua, kỳ vọng của thị trường lãi suất tương lai về một động thái giảm lãi suất trong cuộc họp tháng 12 của Fed có lúc giảm còn 25% do những tín hiệu cứng rắn từ các quan chức Fed cho rằng giảm lãi suất thêm có thể cản trở cuộc chiến chống lạm phát. Nhưng vào ngày thứ Sáu, mức đặt cược vào việc Fed hạ lãi suất trong cuộc họp tới lại tăng lên mức 70% do một nhà hoạch định chính sách tiền tệ có ảnh hưởng của ngân hàng trung ương này nói rằng Fed vẫn có thể giảm lãi suất trong ngắn hạn mà không cản trở tiến trình giảm lạm phát về mục tiêu 2%. Trong khi đó, Trung Quốc cân nhắc các biện pháp mới để hỗ trợ thị trường bất động sản đang gặp khó khăn, trong bối cảnh lo ngại sự suy yếu hơn nữa của lĩnh vực này sẽ đe dọa gây bất ổn cho hệ thống tài chính. Theo các nguồn tin am hiểu về vấn đề này, các nhà hoạch định chính sách đang xem xét một loạt các giải pháp như trợ cấp thế chấp cho người mua nhà mới lần đầu tiên trên toàn quốc, hay tăng hoàn thuế thu nhập cho người vay thế chấp và giảm chi phí giao dịch nhà ở.
- Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index phục hồi 2 tuần liên tiếp, củng cố vùng đáy 1.600 điểm. Chốt tuần, thị trường dừng ở 1.654,93 điểm, tăng +19,47 điểm (+1,2%) so với tuần trước, kể từ mức đáy chỉ số này đã hồi phục hơn 75 điểm (+4,8%). Tuần vừa qua, mức tăng chủ yếu tập trung ở nhóm Bluechips Vn30 (+1,51%), trong khi nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap điều chỉnh giảm lần lượt -0,71% và -0,34%. Độ rộng thị trường khá cân bằng, một số nhóm cổ phiếu có mức tăng nổi bật như: Vingroup (+7,4%), Hàng không (+1,8%), Thủy sản (+1,6%), Bất động sản (+1,1%), ... Trong khi mức giảm tập trung ở một số nhóm cổ phiếu như: Viettel (-7,9%), Chứng khoán (-3,6%), Thực phẩm (-2,7%), ...
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 24.052 tỷ đồng, tăng nhẹ +1,4% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng nhích +0,2% lên 21.000 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 11 giảm -31% so với mức bình quân trong tháng 10 vừa qua, nhưng vẫn cao hơn +61,5% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 29.200 tỷ đồng, tăng +38,4% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +32% so với cùng kỳ.
- Khối ngoại bán ròng -2.206 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 19 liên tiếp, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -136.300 tỷ đồng, vượt kỷ lục bán ròng năm ngoái (-92.600 tỷ đồng). Tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: HPG (+927 tỷ đồng), FPT (+662 tỷ đồng), VPB (+332 tỷ đồng), trong khi bán ròng VIX (-879 tỷ đồng), MBB (-641 tỷ đồng), VCI (-512 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán tuần vừa qua mua ròng đối với các cổ phiếu như: CII (+277 tỷ đồng), VIX (+176 tỷ đồng), DGC (+120 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: ACB (-93 tỷ đồng), MSN (-92 tỷ đồng), HDB (-91 tỷ đồng).

Tích lũy thành công 1.600-1.620 điểm, sẵn sàng cho nhịp tăng 1.700+

- Nhận định thị trường:** Chỉ số Vn-Index tăng liên 2 tuần liên tiếp trên nền thanh khoản thấp, sau khi để mất ngưỡng hỗ trợ 1.600 điểm. Mặc dù đã phục hồi tuần vừa qua có sự đóng góp từ nhóm cổ phiếu trụ (Vn-Index tăng 19,5 điểm, trong đó nhóm Vingroup đóng góp tới 22,3 điểm) nhưng độ rộng thị trường vẫn rất tích cực với gần 50% số nhóm cổ phiếu tăng điểm. Bên cạnh thanh khoản có sự nhích tăng cùng tín hiệu giảm bán từ khối ngoại có thể là nhân tố hỗ trợ thị trường tiếp tục duy trì xu hướng phục hồi về vùng 1.680 - 1.700 điểm trong tuần tới. Chúng tôi đánh giá trong bối cảnh thị trường đang ở vùng trống thông tin hỗ trợ, chỉ số Vn-Index vẫn tiếp tục xu hướng tăng điểm trên nền thanh khoản thấp cho đến khi vượt ngưỡng 1.700 điểm hoặc có thông tin hỗ trợ đủ mạnh. Nhà đầu tư tiếp tục lưu ý rủi ro mang tính mùa vụ như: lãi suất huy động ngắn hạn, tỷ giá USD/VND đang ở giai đoạn cuối năm. Các điểm nhấn chính nhà đầu tư cần lưu ý: **Thứ nhất**, về các biến số vĩ mô: Tại cuộc họp Ban Chỉ đạo điều hành giá chiều 21/11, Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc yêu cầu các bộ ngành tuyệt đối không chủ quan, tập trung kiểm soát nhóm hàng thiết yếu và bám sát kịch bản Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2025 tăng khoảng 3,3% so với năm 2024 trong bối cảnh thị trường bước vào cao điểm cuối năm. Bên cạnh đó, Cán cân thương mại xuất siêu hơn 140 triệu trong nửa đầu tháng 11. Đối với chính sách tiền tệ, định hướng nới lỏng sẽ tiếp tục được duy trì theo xu hướng chung của các ngân hàng trung ương toàn cầu, trong đó Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) vẫn đang trong lộ trình cắt giảm lãi suất. Theo đó, cùng với mục tiêu giữ ổn định lãi suất, tín dụng năm 2026 được dự báo sẽ phải tăng trưởng tối thiểu 20% để hỗ trợ mục tiêu GDP tăng từ 10% trở lên – mức cao kỷ lục, dựa trên các động lực như tiêu dùng nội địa mạnh mẽ hơn (kèm gói kích thích mới), chính sách tài khóa mở rộng (giảm thuế TNCN, VAT xuống 8%; đầu tư công 8,5 triệu tỉ đồng giai đoạn 2026-2030 cho hạ tầng lớn như sân bay Long Thành, đường sắt cao tốc), đầu tư tư nhân vào công nghệ - chuyển đổi số, và chính thức hóa kinh tế phi chính thức để minh bạch hóa. Do vậy, chúng tôi cho rằng động lực tăng trưởng kinh tế năm 2026 từ 10% trở lên vẫn là nền tảng cơ bản vững chắc, giúp VN-Index củng cố vùng 1.600-1.620 điểm và hướng tới 1.700 điểm ngắn hạn. **Thứ hai**, Điểm số phục hồi trên nền thanh khoản thấp cho thấy quá trình test cung hiệu quả. Chúng tôi thấy rằng, đa phần các nhóm cổ phiếu đã có “bộ đệm” biên lợi nhuận trong 2 tuần vừa qua giúp thị trường có thể hình thành vùng đáy thứ 2 trong kịch bản thị trường chip áp lực chốt lời ngắn hạn hoặc điều chỉnh khi áp sát vùng cản 1.680 điểm, nơi có mật độ của đường trung bình động 100 ngày (MA100). Đối với thanh khoản, mặc dù thanh khoản đang ở mức nền thấp trong vòng 3 tháng trở lại đây nhưng một số nhóm cổ phiếu đang thu hút dòng tiền nội và có điểm cộng từ vốn ngoại như: Xây dựng và VLXD (chủ yếu là nhóm thép), Thực phẩm, Bán lẻ, Thủy sản, BĐS KCN, ... Điểm cộng cho nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn là việc VIC vượt đỉnh, một số cổ phiếu cũng lấy lại đà tăng như GEX, MSN, Chúng tôi đánh giá, dù có yếu tố “neo trụ” để giữ điểm số nhưng kết quả cho thấy mật độ cổ phiếu vẫn chuyển biến tích cực nhờ bộ đệm biên lợi nhuận ngắn hạn trong 2 tuần tăng vừa qua. Bên cạnh đó, yếu tố giảm bán từ khối ngoại, xen kẽ đã có những phiên khối ngoại mua ròng trở lại đang là điểm tựa để dòng vốn nội quay trở lại thị trường. **Thứ ba**, yếu tố mùa vụ ủng hộ phục hồi ngắn hạn, vùng 1.600 – 1.620 điểm là “vùng tích lũy chiến lược” – chỉ số Vn-Index đã lấy lại ngưỡng MA20 và MA100 (theo ngày). Vùng 1.600 – 1.620 điểm hiện hội tụ: Đáy cũ tháng 8-9 (hỗ trợ tâm lý) cùng MA100, bên cạnh đó vùng tích lũy 3 tháng với 3 lần test thành công. Kịch bản điều chỉnh kiểm định đáy 1.600 điểm đã mang lại thành quả cho nhà đầu tư ở 2 tuần vừa qua, dù VN-Index có yếu tố trụ “nâng đỡ”. Nếu chỉ số duy trì đóng cửa trên 1.670 điểm (vượt ngưỡng MA50) cuối tuần tới, xác suất vượt ngưỡng 1.700 điểm khá cao. Ngược lại, kịch bản thị trường điều chỉnh test lại vùng MA20 ở khu vực 1.640 điểm cũng không tệ, qua đó hình thành vùng đáy thứ 2 sau khi tạo đáy 1 ở vùng 1.580 điểm, nếu kịch bản này thành công thậm chí sẽ kích thích dòng tiền nội quay trở lại mạnh hơn khi đã có dấu hiệu kỹ thuật xác nhận.
- Chiến lược giao dịch:** Nâng tỷ trọng danh mục đối với cổ phiếu trên 70%. Tập trung danh mục ở nhóm cổ phiếu sản xuất, hàng hóa hoặc nhóm cổ phiếu xuất khẩu như: Thép, Dầu khí, Thủy sản, Cao su tự nhiên, Thực phẩm, Đầu tư công ... Đối với nhóm cổ phiếu đã giảm sâu sẽ có nhịp phục hồi như: Chứng khoán, Ngân hàng, BĐS, ...

Các sự kiện chính trong tuần này (24/11 – 28/11)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
24	25  Đức: Tăng trưởng GDP(Q3)  Mỹ: Chỉ số niềm tin người tiêu dung của CB (tháng 11)  Mỹ: Doanh số bán lẻ (tháng 9)  Mỹ: Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng 9)	26  Mỹ: Đơn đặt hàng hóa lâu bền (tháng 11)  Mỹ: Tăng trưởng GDP (Q3)  Mỹ: Đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu  Mỹ: Chỉ số giá chi tiêu tiêu dung cá nhân (tháng 9)	27	28  Đức: Chỉ số giá tiêu dung CPI (tháng 11)  Anh: Doanh số bán lẻ (tháng 10)  Mỹ: Chỉ số PMI của S&P Global (tháng 11)

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 11 2025



STT	Cổ phiếu	Vốn hóa (Tỷ VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2025	P/E 2025	P/B 2025	Luận điểm đầu tư
1	CTG	273,870	65,600	33.3%	20.2%	8.7	1.6	Hưởng lợi từ việc đẩy mạnh đầu tư công nửa cuối năm 2025 nhằm hoàn thành kế hoạch cả năm. NIM được duy trì tốt hơn so với các ngân hàng tư nhân nhờ chi phí vốn thấp hơn. Chi phí dự phòng cao của năm trước tạo ra tiềm năng lớn cho tăng trưởng lợi nhuận 2025.
2	ACB	130,471	33,400	33.1%	2.3%	7.6	1.4	Tín dụng SME và bán lẻ phục hồi mạnh hơn trong năm 2026, hỗ trợ biên lãi ròng (NIM) hồi phục. Chất lượng tài sản vượt trội giúp duy trì chi phí tín dụng ở mức thấp. Định giá hấp dẫn so với các doanh nghiệp cùng ngành.
3	GVR	112,400	34,300	21.0%	61.0%	17.2	1.9	Chúng tôi cho rằng cổ phiếu GVR đang ở mức định giá khá hấp dẫn, nhờ sở hữu nhiều triển vọng tăng trưởng dài hạn đến từ: (1) tình trạng thiếu hụt nguồn cung cao su, (2) các khu công nghiệp mới, và (3) chuyển đổi đất cao su sang đất khu công nghiệp. Động lực tăng trưởng chính đến từ các KCN mới: KCN NTU 3 dự kiến mang lại khoản lợi nhuận đột biến do được ghi nhận một lần thay vì phân bổ dần theo thời hạn thuê. Các KCN mới như Hiệp Thành, Rạch Bắp giai đoạn 2, Bắc Đồng Phú mở rộng, Nam Đồng Phú mở rộng và Minh Hưng 3 giai đoạn 2 sẽ bổ sung quỹ đất mới cho sự phát triển dài hạn của GVR.
4	VRE	81,690	42,000	21.4%	59.0%	12.8	1.7	VRE dự kiến ghi nhận khoản lợi nhuận đột biến khoảng 1.900 tỷ đồng từ thương vụ bán Vincom NCT trong quý 4/2025, qua đó giúp lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ cả năm ước đạt 6.516 tỷ đồng (+59% so với cùng kỳ). Sang năm 2026, công ty sẽ khai trương Vincom Plaza Đan Phượng, dự kiến bổ sung thêm khoảng 90.000 m² diện tích sàn bán lẻ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận của VRE.
5	PDR	22,536	27,900	19.2%	477.0%	25.2	1.7	Dòng tiền dự kiến được cải thiện nhờ khoản thoái vốn tại Thuận An 1 & 2 trong 2H25 và 2026; tăng trưởng LN ròng được kỳ vọng đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi thay vì thu nhập tài chính như giai đoạn 2021-2024; PDR đã được phê duyệt hai dự án nằm trong danh mục thí điểm theo Nghị quyết 171/2024/QH15, với tổng diện tích khoảng 45 ha (Khu phức hợp cao tầng Phú Hòa và Khu phức hợp cao tầng Tương Bình Hiệp). Đây là hai dự án có quy mô tương đối lớn và dự kiến được triển khai trong giai đoạn 2025-2033.
6	BSR	86,126	18,700	12.7%	223.7%	41.5	1.5	Giá dầu thô ở mức thấp cùng với biên lọc dầu tăng được kỳ vọng sẽ giúp BSR cải thiện biên lợi nhuận trong quý 4, nhờ chi phí đầu vào giảm và nhu cầu nhiên liệu nội địa tăng mạnh vào cuối năm. PVN đang có kế hoạch thoái 1 phần vốn tại BSR để đảm bảo tỷ lệ tự do chuyển nhượng tối thiểu 10%, nếu hoàn thành trong Quý 4 này, BSR có thể gia nhập VN30 vào Q1/2026.

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 11 2025



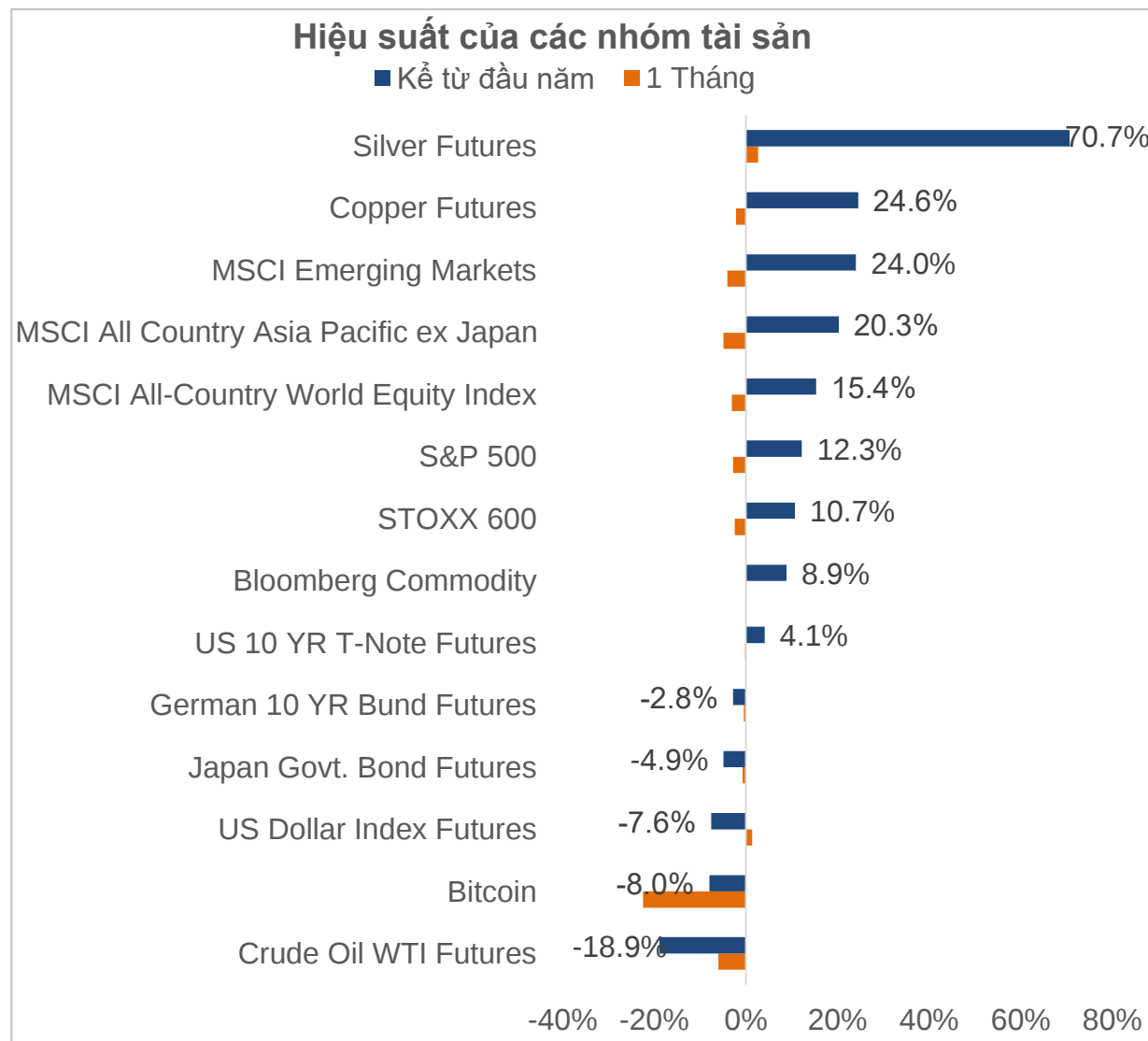
STT	Cổ phiếu	Vốn hóa (Tỷ VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2025	P/E 2025	P/B 2025	Luận điểm đầu tư
7	PVD	11,368	28,700	41.7%	24.0%	13.1	0.7	PVD có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận tốt nhờ nhu cầu phát triển các dự án dầu khí mới tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, trong bối cảnh không có giàn khoan mới nào được bổ sung vào thị trường. Gần đây, PVD đã mua thêm hai giàn khoan là PVD VIII (dự kiến đưa vào vận hành cuối tháng 8/2025) và PVD IX (dự kiến vận hành vào đầu quý 2/2026).Chúng tôi kỳ vọng các giàn khoan này sẽ ký được hợp đồng với mức giá thuê ngày đang ở mức cao.
8	HAH	10,469	84,000	34.0%	102.4%	7.9	2.0	Chúng tôi kỳ vọng LN ròng sẽ tăng lần lượt 102% và 11% trong giai đoạn 2025–2026, chủ yếu nhờ việc mở rộng đội tàu và phát triển các tuyến dịch vụ mới, kết hợp với giá thuê tàu duy trì ở mức cao so với cùng kỳ năm trước. HAH đang tiếp tục mở rộng đội tàu khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải gia tăng, bất chấp tác động từ các mức thuế quan, trong bối cảnh các quốc gia nội Á đang mở rộng thị trường xuất khẩu. Việt Nam vẫn duy trì mức thuế cạnh tranh so với các nước trong khu vực, trong khi sự phục hồi của thị trường bất động sản phía Nam góp phần thúc đẩy nhu cầu vận chuyển vật liệu xây dựng.
9	HDG	11,432	40,200	29.7%	129.0%	17.1	1.8	Sản lượng thủy điện dự kiến duy trì ở mức cao trong quý 4, được hỗ trợ bởi sự trở lại của hiện tượng La Nina và mưa lớn thường xuyên tại khu vực miền Trung. Doanh nghiệp duy trì kế hoạch bàn giao 20–25 căn hộ thuộc giai đoạn 3 dự án Charm Villa trong quý 4, với giá bán tăng lên 250–270 triệu đồng/m², hướng tới doanh thu khoảng 800 tỷ đồng theo kế hoạch của ban lãnh đạo. Điều này sẽ tạo cú hích lớn cho tăng trưởng lợi nhuận, đặc biệt khi nền so sánh năm trước ở mức thấp.
10	CTR	10,501	123,000	30.9%	13.5%	17.1	4.9	Tăng trưởng lợi nhuận cho thấy sự phục hồi rõ rệt trong quý 3, được thúc đẩy bởi mảng TowerCo và sự khởi sắc của mảng xây dựng dân dụng nhờ thị trường bất động sản ấm lên. Chiến lược mở rộng hoạt động ra ngoài Tập đoàn Viettel đang mang lại kết quả tích cực. Cổ phiếu hiện có tỷ lệ rủi ro/lợi nhuận hợp lý và biên an toàn cao. Với mức P/E hiện tại 17,6 lần (thấp hơn khoảng 25% so với trung bình 2 năm), đây có thể là lựa chọn phù hợp trong bối cảnh thị trường ưu tiên các doanh nghiệp chưa tăng giá và có triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tốt.

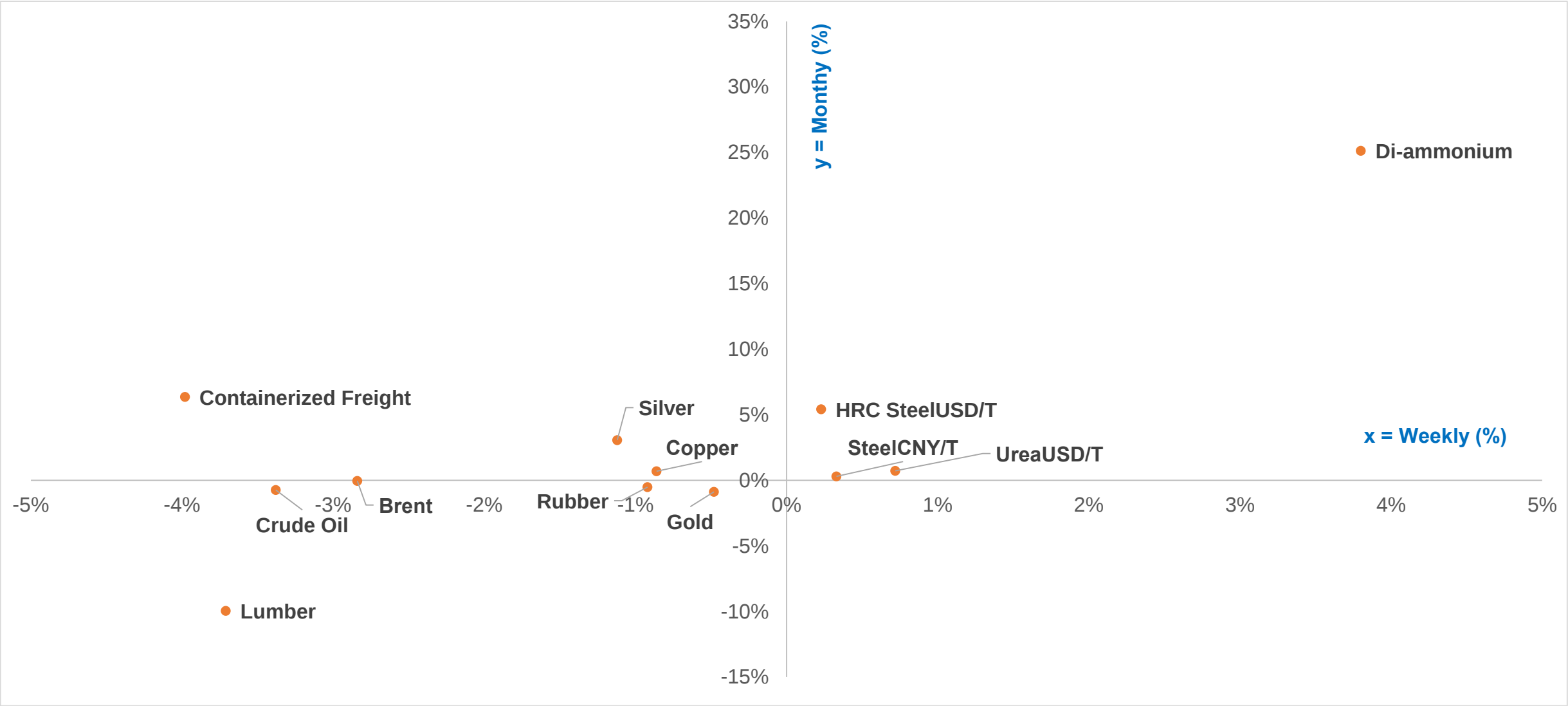
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	970.76	-2.5%	-3.1%	15.4%	13.7%
Dow Jones	46,245.41	-1.9%	-2.0%	8.7%	4.4%
S&P 500	6,602.99	-2.0%	-2.8%	12.3%	10.6%
Europe	562.10	-2.2%	-2.4%	10.7%	10.6%
Japanese	48,625.88	-3.2%	-1.4%	21.9%	27.0%
Korea	3,853.26	-4.0%	-2.2%	60.6%	54.1%
China	3,834.89	-3.9%	-2.9%	14.4%	17.4%
HongKong	25,220.02	-5.1%	-3.6%	25.7%	31.2%
Taiwan	26,434.94	-3.5%	-4.0%	14.8%	15.4%
Indian	26,068.15	0.6%	1.1%	10.3%	9.0%
Singapore	4,469.14	-1.7%	1.1%	18.0%	19.3%
Malaysia	1,617.57	-0.5%	0.3%	-1.5%	1.8%
Indonesia	8,414.35	0.5%	1.7%	18.9%	16.9%
Thailand	1,254.40	-1.2%	-4.5%	-10.4%	-13.3%
Philippine	5,997.13	7.4%	0.2%	-8.1%	-11.6%
Vn-Index	1,654.93	1.2%	-1.7%	30.6%	34.8%
VN30	1,899.89	1.5%	-2.3%	41.3%	47.7%
VN100	1,802.47	1.2%	-2.5%	35.6%	41.8%
Vn Midcap	2,280.74	-0.7%	-3.5%	20.0%	24.9%
VN Smallcap	1,524.75	-0.3%	1.0%	5.1%	10.9%
Brent Oil	62.56	-2.8%	-4.1%	-16.2%	-16.8%
Crude Oil WTI	57.81	-3.6%	-6.0%	-18.9%	-18.3%
Gold	4,079.50	-0.4%	-1.4%	54.5%	50.4%
Dollar Index	100.11	0.9%	1.4%	-7.6%	-6.9%

Nguồn: Update 23/11, Investing, MBS Research



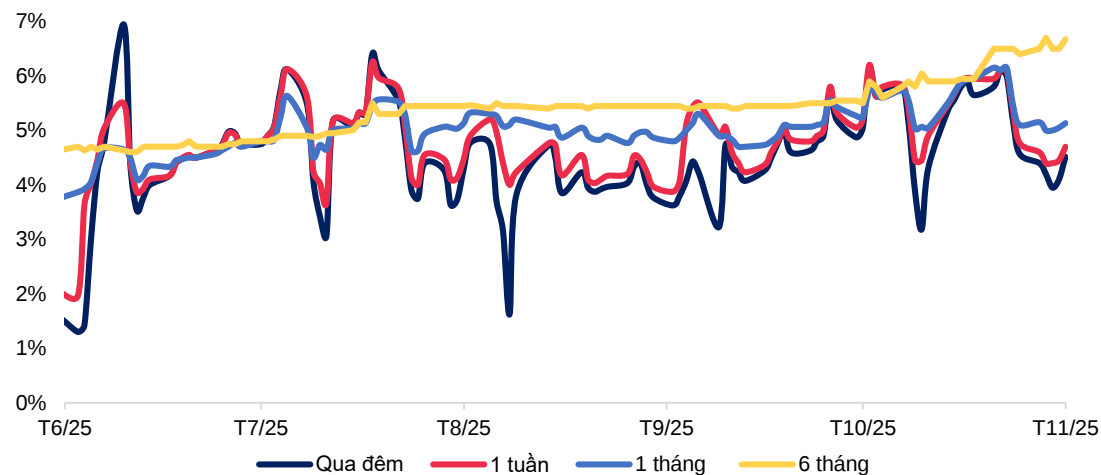


Nguồn: Update 23/11, tradingeconomics, MBS Research

Lãi suất

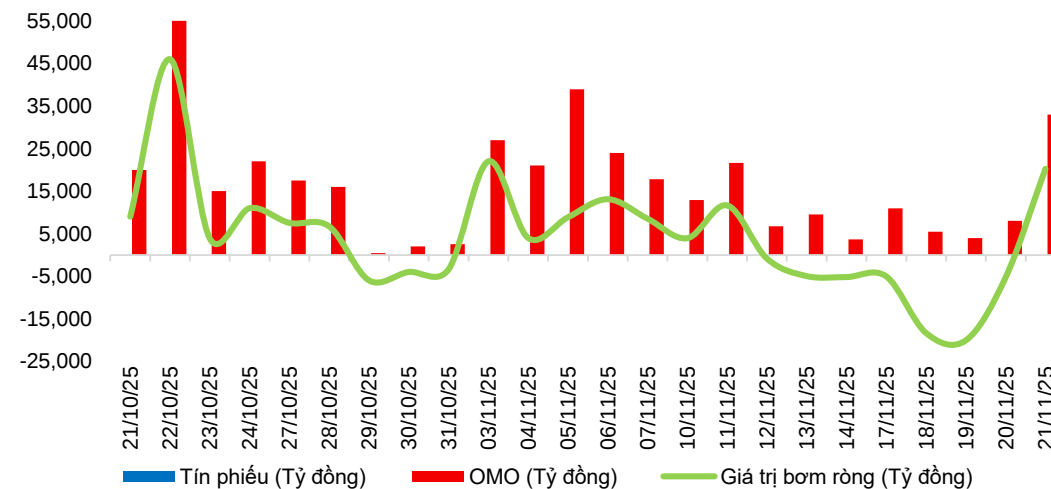
- Trong tuần 10 - 14/11, NHNN quay trở lại trở lại hút ròng 28.5 nghìn tỷ đồng sau 5 tuần liên tiếp bơm ròng. Cụ thể, có 61.4 nghìn tỷ trúng thầu trên kênh OMO với kỳ hạn từ 7 - 105 ngày và lãi suất 4%. Cùng với đó, khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt hơn 89.9 nghìn tỷ đồng. Lũy kế từ đầu T11, NHNN đã bơm ròng 32.5 nghìn tỷ đồng. Tính đến thời điểm hiện tại khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố là hơn 256.8 nghìn tỷ đồng và không còn tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ghi nhận diễn biến giảm trong nửa đầu tuần trước khi phục hồi trở lại vào hai ngày cuối tuần. Cụ thể, lãi suất LNH O/N giảm từ mức 4.57% ở cuối tuần trước xuống 3.95% vào ngày 19/11, rồi bật tăng trở lại lên 4.52% vào cuối tuần này. Các kỳ hạn 1 tuần - 1 tháng giao động trong khoảng 4.7% - 5.1%. Kỳ hạn 6 tháng duy trì xu hướng tăng đều, hiện ở mức 6.67% (+0.27 điểm phần trăm sv cuối tuần trước).

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở



Nguồn: NHNN, MBS Research

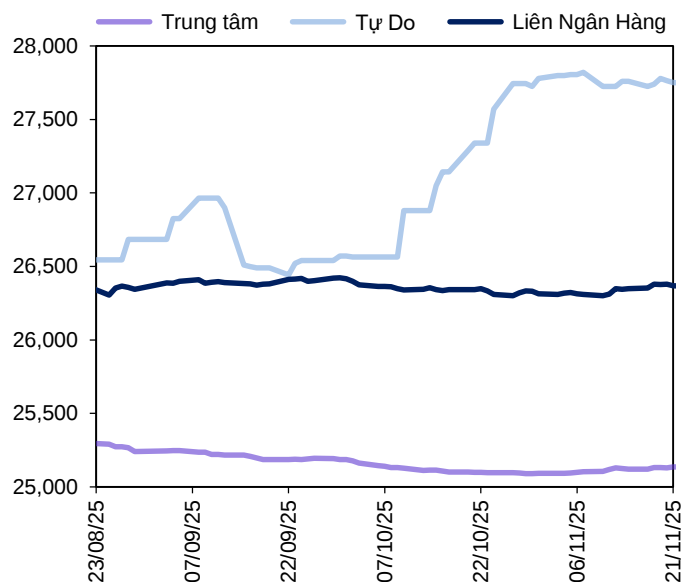
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Thị trường ngoại hối và trái phiếu

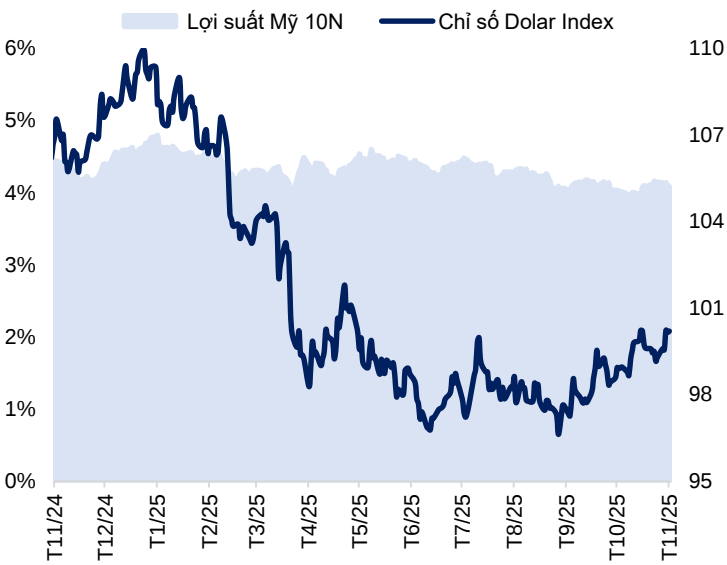
Chỉ số DXY kết tuần ở mức 100.2(+0.9% so với cuối tuần trước), đánh dấu tuần tăng đầu tiên sau ba tuần giảm liên tiếp. Đà tăng này được hỗ trợ bởi loạt dữ liệu kinh tế Mỹ tương đối tích cực: số việc làm phi nông nghiệp tăng 119,000 trong tháng 9; chỉ số tâm lý người tiêu dùng Đại học Michigan được điều chỉnh tăng 0.7 điểm lên 51.0, vượt dự báo 50.6 và PMI sơ bộ tháng 11 của S&P Global tiếp tục cho thấy hoạt động kinh tế duy trì khả quan. Tuy nhiên, chủ tịch Fed New York - John Williams, trong bài phát biểu sáng Thứ 6 cho rằng vẫn có dư địa để Fed điều chỉnh lãi suất liên bang trong ngắn hạn về tiệm cận vùng trung lập. Bình luận này lập tức kéo kỳ vọng cắt giảm lãi suất tháng 12 tăng vọt, với xác suất từ 40% ngày hôm trước lên hơn 70%, theo công cụ CME FedWatch. Trong nước, tỷ giá USD/VND liên NH tăng 19 đồng so với cuối tuần trước lên mức 26,369 VND/USD (+3.6% so với đầu năm). Tỷ giá trung tâm cũng nhích 0.06%, lên mức 25,136 VND/USD (+3.3% so với đầu năm). Ở chiều ngược lại, tỷ giá trên thị trường tự do tiếp tục hạ nhiệt về mức 27,750 VND/USD (+7.8% so với đầu năm).

Tỷ giá USD/VND



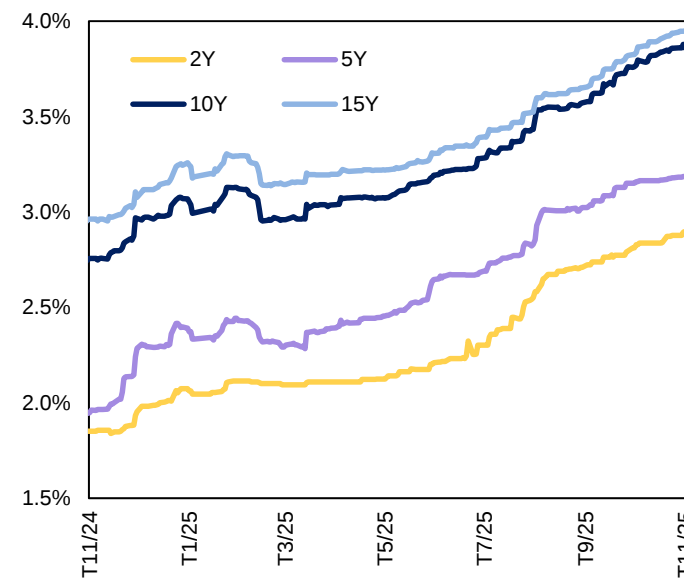
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

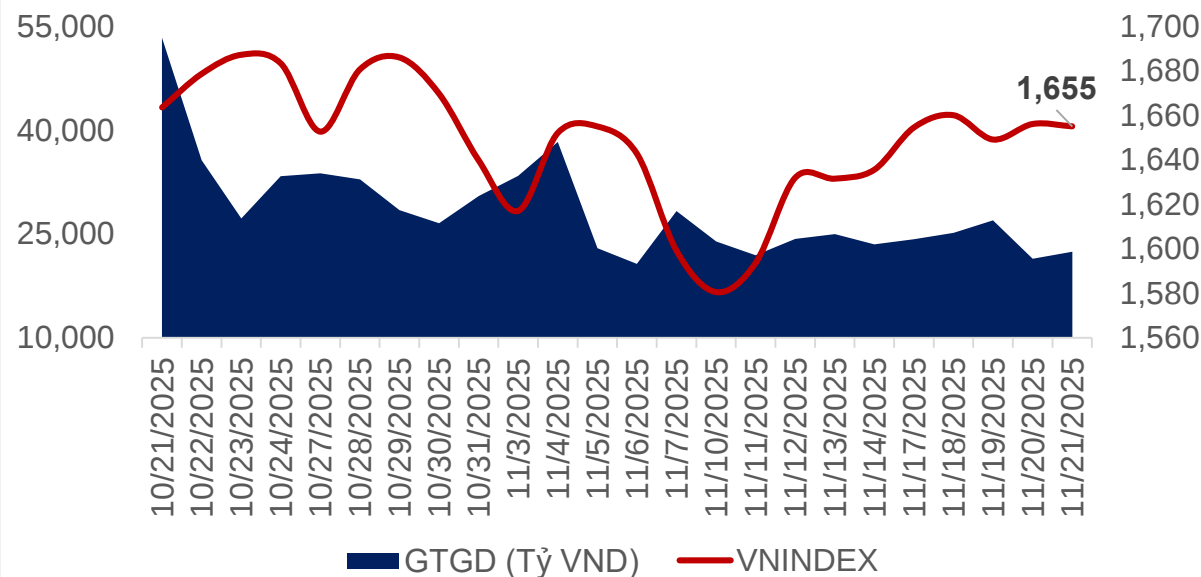
Chỉ số Vn-Index phục hồi 2 tuần liên tiếp, tuy vậy thanh khoản vẫn ở mức nền thấp

Chỉ số Vn-Index phục hồi 2 tuần liên tiếp, củng cố vùng đáy 1.600 điểm. Chốt tuần, thị trường dừng ở 1.654,93 điểm, tăng +19,47 điểm (+1,2%) so với tuần trước, kể từ mức đáy chỉ số này đã hồi phục hơn 75 điểm (+4,8%). Tuần vừa qua, mức tăng chủ yếu tập trung ở nhóm Bluechips Vn30 (+1,51%), trong khi nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap điều chỉnh giảm lần lượt -0,71% và -0,34%.

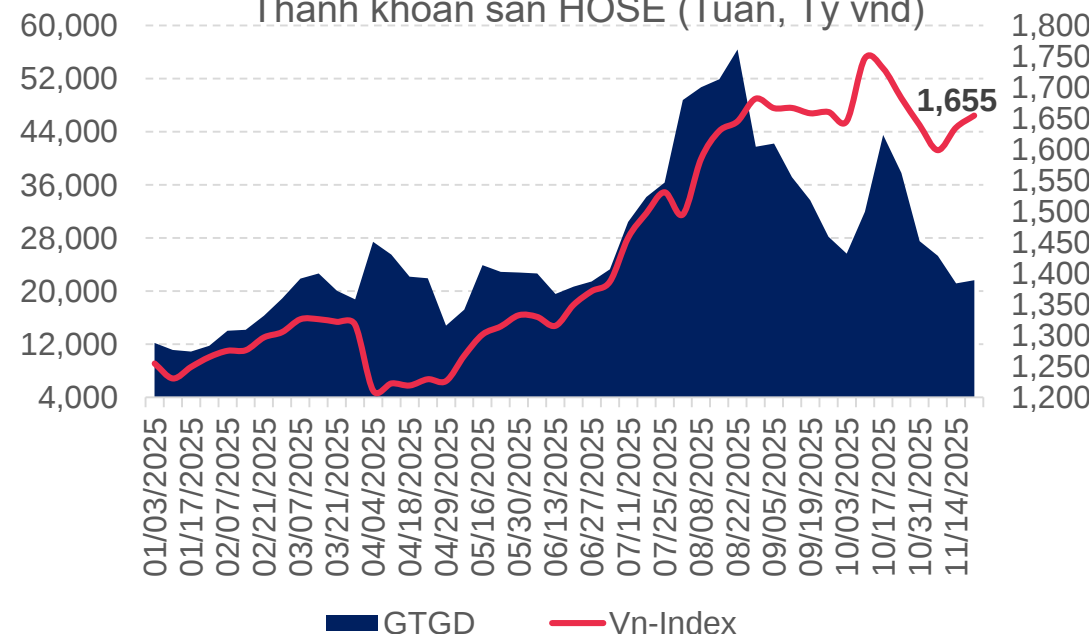
Độ rộng thị trường khá cân bằng, một số nhóm cổ phiếu có mức tăng nổi bật như: Vingroup (+7,4%), Hàng không (+1,8%), Thủy sản (+1,6%), Bất động sản (+1,1%), ... Trong khi mức giảm tập trung ở một số nhóm cổ phiếu như: Viettel (-7,9%), Chứng khoán (-3,6%), Thực phẩm (-2,7%), ...

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 24.052 tỷ đồng, tăng nhẹ +1,4% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng nhích +0,2% lên 21.000 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 11 giảm -31% so với mức bình quân trong tháng 10 vừa qua, nhưng vẫn cao hơn +61,5% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 29.200 tỷ đồng, tăng +38,4% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +32% so với cùng kỳ.

Diễn biến VN-INDEX (1 tháng)

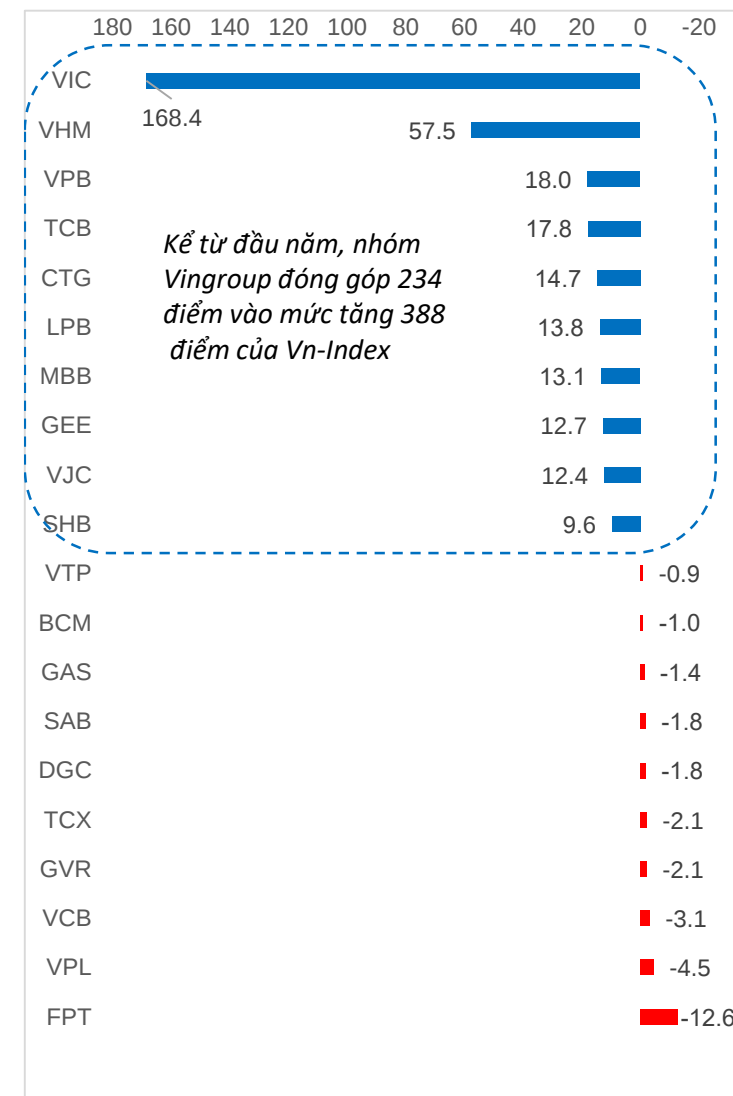
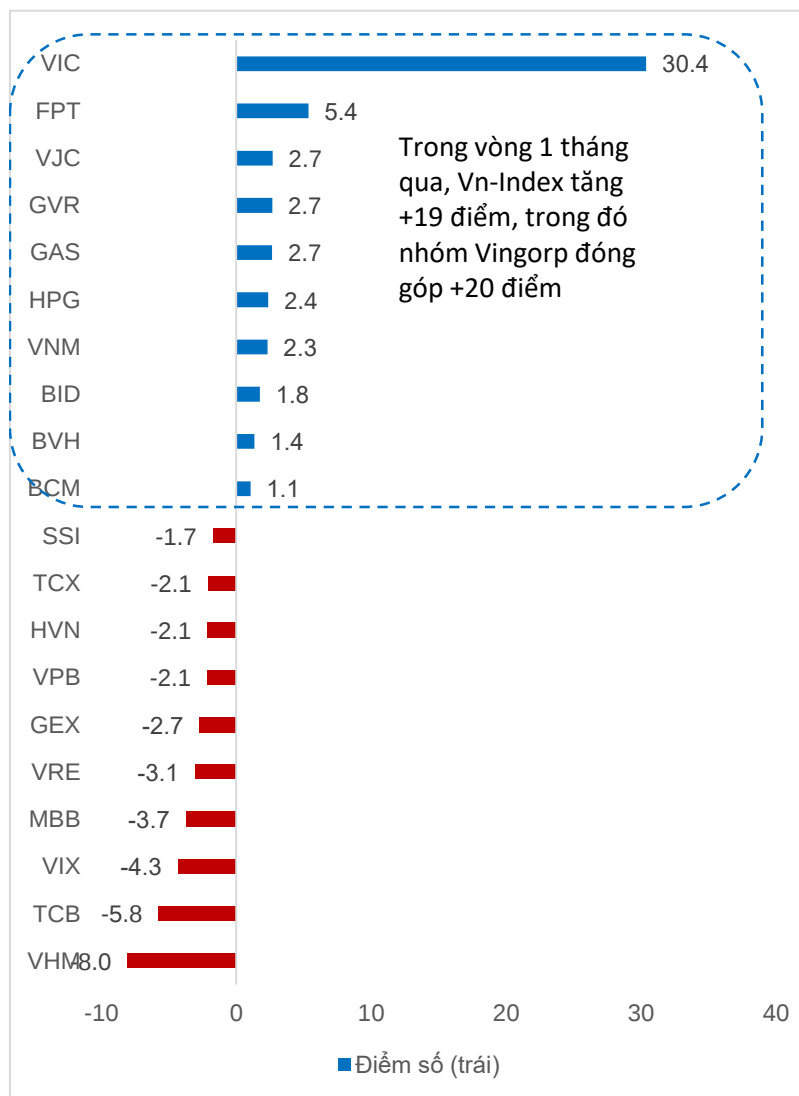
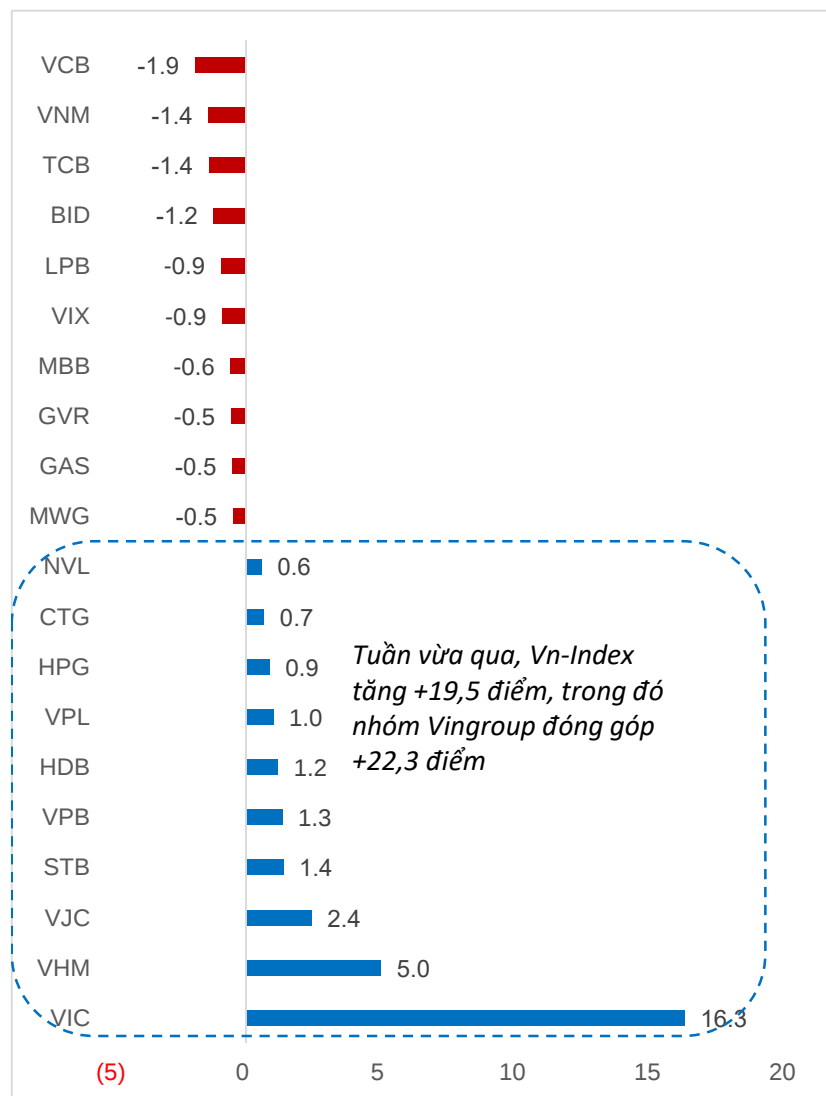


Thanh khoản sàn HOSE (Tuần, Tỷ vnd)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

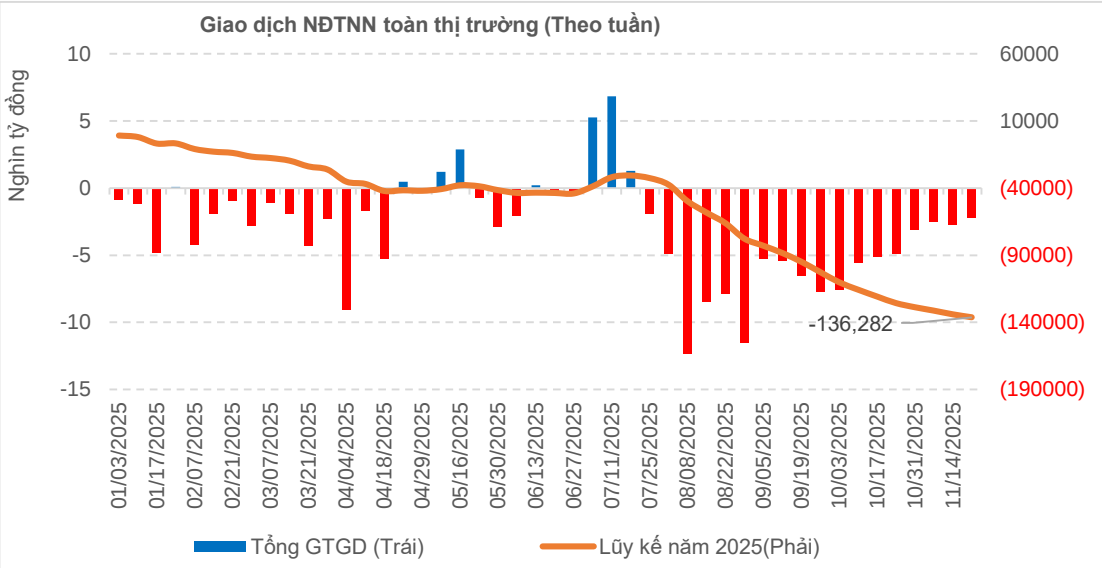
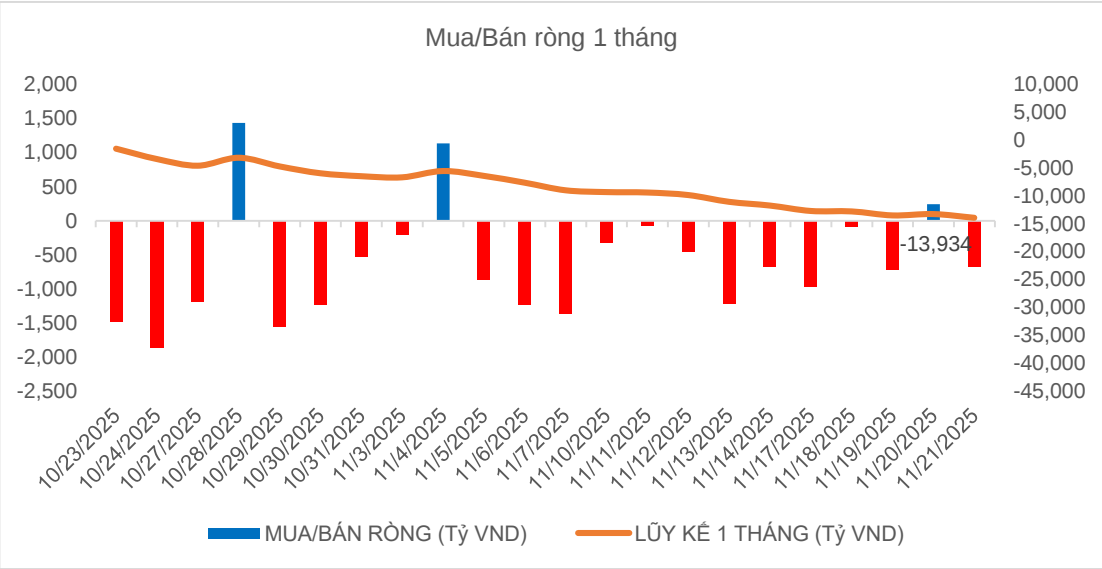
Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -2.206 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 19 liên tiếp, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -136.300 tỷ đồng



Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

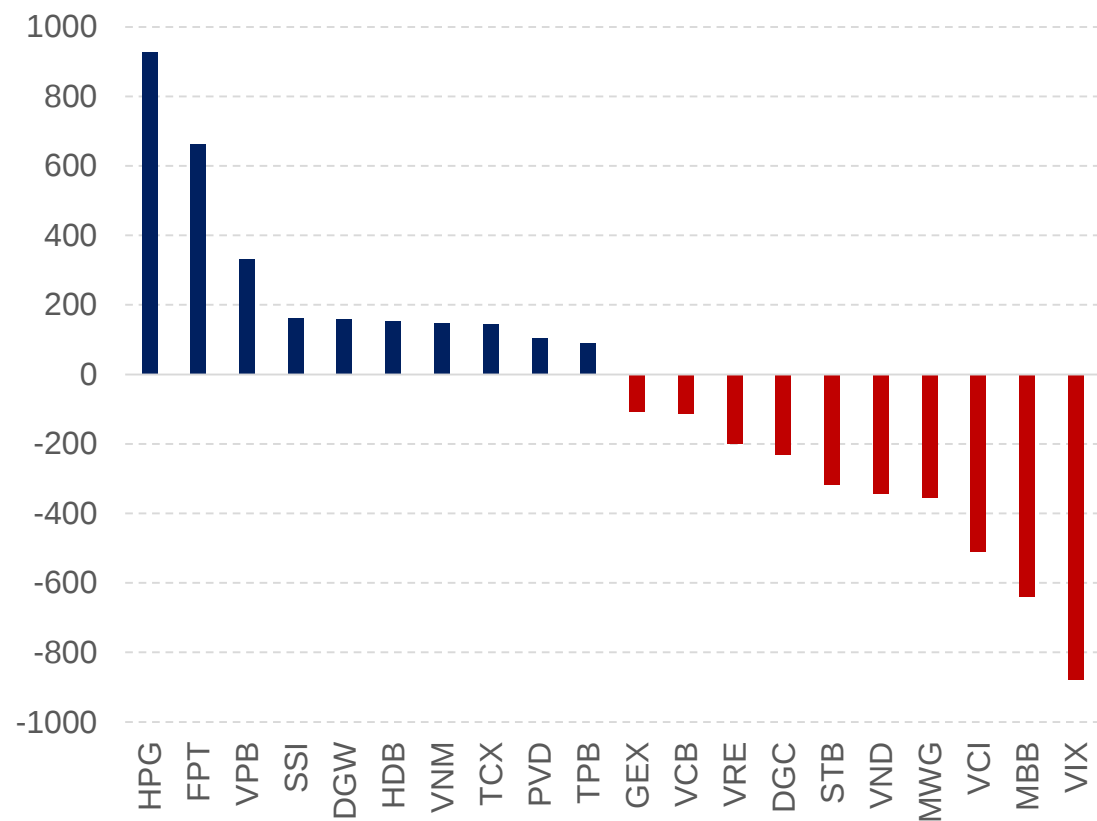
Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	30-Sep-25			20,370	68,829	96,225	53,539
India	19-Nov-25	366	736	379	1,633	-15,820	-14,101
Indonesia	20-Nov-25	76	235	672	1,454	-1,853	-2,532
Japan	14-Nov-25		6,606	4,342	51,899	47,540	33,450
Malaysia	20-Nov-25	-3	-158	-63	-710	-4,452	-5,635
Philippines	20-Nov-25	-33	85	166	66	-585	-762
S. Korea	21-Nov-25	-2,004	-2,083	-8,511	-4,520	-5,110	-8,200
Sri Lanka	20-Nov-25	-0.1	-0.9	-9	-28	-117	-124
Taiwan	20-Nov-25	494	-1,630	-8,131	-10,561	-3,285	-6,902
Thailand	20-Nov-25	11	-10	-253	-388	-3,269	-3,711
Vietnam	20-Nov-25	11	-50	-217	-1,059	-4,784	-4,911

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

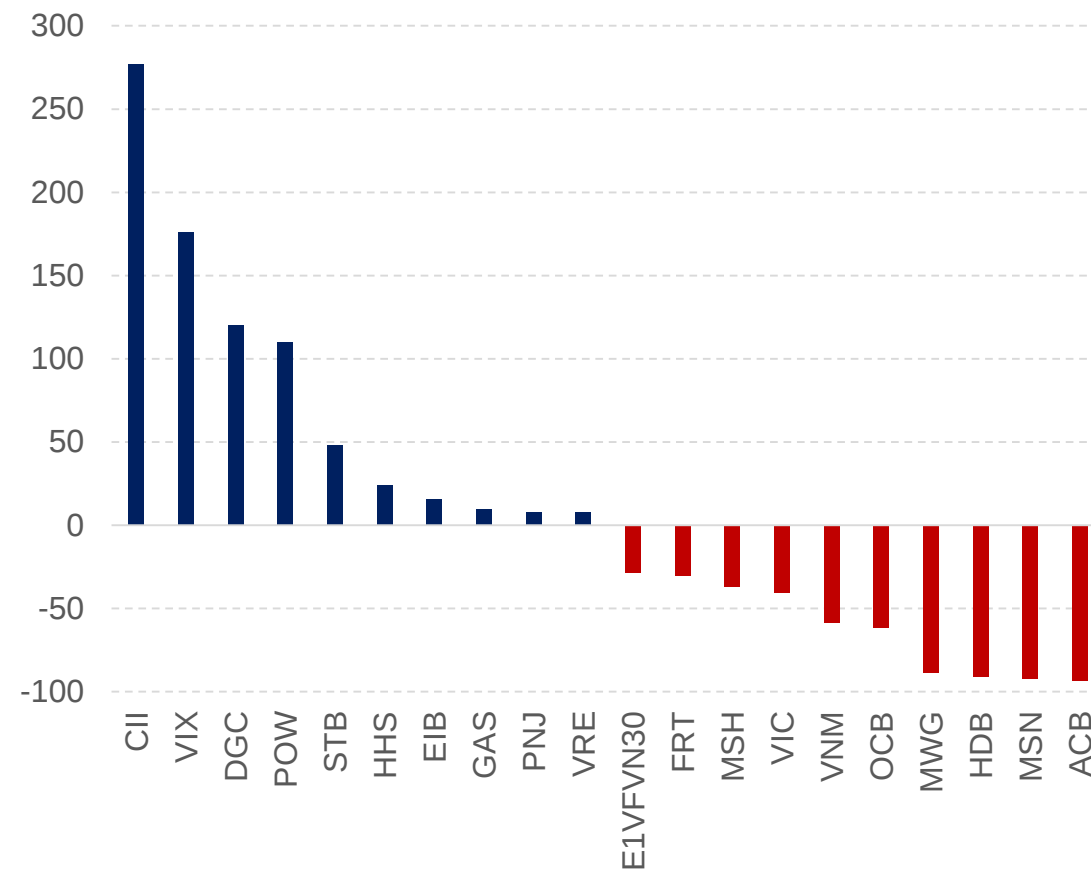
Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Các quỹ ETF có hiệu suất khá tích cực, Diamond giải ngân trở lại trong tháng 10 vừa qua

	Fund Assets (M USD)	NAV Currency	NAV	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
Fubon FTSE Vietnam ETF	457.1	TWD	16.6	1.4%	41.5%	44.2%	-1.59	-4.04	-100.55	-323.49	-333.04
DCVFMVN30 ETF Fund	225.3	VND	33,315.9	-2.6%	41.6%	49.4%	1.90	0.36	-27.15	-113.37	-125.49
VanEck Vietnam ETF	562.5	EUR	--	0.8%	37.6%	39.7%	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
DCVFMVN Diamond ETF	502.7	VND	37,981.3	-2.2%	14.3%	23.5%	0.43	0.49	-14.40	-34.68	-41.02
CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	10.7	USD	1.3	0.2%	45.3%	49.4%	0.00	0.00	-12.29	-14.51	-14.70
Premia Vietnam ETF	5.8	HKD	86.6	2.6%	56.1%	57.4%	0.00	-0.66	-9.13	-9.13	-9.13
MAFN VN30 ETF	32.5	VND	22,810.6	-1.6%	39.9%	49.3%	0.00	-0.35	-8.91	-5.96	6.18
SSIAM VNFIN LEAD ETF	19.1	VND	29,870.8	-3.7%	35.1%	44.9%	0.23	0.34	0.98	-4.30	-4.47
KIM Growth VNFINSELECT ETF	11.0	VND	17,305.5	-2.4%	33.5%	42.3%	0.00	0.00	-1.70	-4.57	-4.57
DCVFMVN Mid Cap ETF	13.4	VND	14,240.9	0.3%	24.1%	26.7%	0.00	0.00	-2.11	-3.02	-3.02
MAFM VNDIAMOND ETF	12.5	VND	15,942.9	-4.1%	12.0%	21.1%	0.00	-0.12	-1.30	-2.23	-6.05
KIM Growth VN30 ETF	92.1	VND	12,719.6	-0.9%	42.1%	51.3%	-0.53	-2.10	-2.45	-4.06	-3.39
KIM Growth VN DIAMOND ETF	2.9	VND	14,096.5	-2.5%	13.3%	21.8%	0.00	0.00	-1.33	-1.61	-1.61
SSIAM VNX50 ETF	5.2	VND	27,643.5	-4.5%	40.6%	49.9%	0.00	0.00	-0.21	-1.23	-1.23
SSIAM VN30 ETF	8.0	VND	23,482.5	-2.4%	41.9%	48.2%	0.09	0.36	0.36	-0.76	-0.76
Global X MSCI Vietnam ETF	24.7	USD	22.8	0.3%	50.5%	53.7%	0.00	0.00	4.63	6.93	6.93
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	264.7	KRW	29,795.4	1.3%	34.5%	49.0%	0.00	0.00	46.00	46.00	46.00
	2,250.3						0.52	-5.73	-129.55	-469.97	-489.36

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (% tăng/giảm vs tuần trước)

	11/21/2025	11/14/2025	11/07/2025	10/31/2025	10/24/2025
Dầu khí	-35.5%	-23.1%	112.5%	3.0%	-29.5%
Ngân hàng	1.4%	-26.7%	-0.4%	-35.9%	-14.0%
Chứng khoán	-7.9%	-20.7%	3.3%	-33.3%	0.1%
Bất động sản	21.2%	-27.9%	-8.1%	-44.2%	-12.8%
Dệt may	-2.6%	37.7%	-14.5%	66.3%	-18.0%
Bán lẻ	40.3%	-31.1%	-1.9%	-32.9%	15.1%
Vingroup	-12.7%	-10.7%	-29.0%	-4.7%	-35.5%
Xây dựng & VLXD	14.7%	-20.1%	20.3%	-41.9%	-12.7%
Thực phẩm	-30.7%	-5.3%	36.5%	-56.6%	3.5%
Thủy sản	110.7%	-39.7%	2.4%	35.8%	-24.8%
Logistics	-21.7%	-15.2%	-14.1%	24.4%	0.4%
Dược phẩm	-44.5%	-8.3%	25.7%	-3.7%	33.3%
Sản xuất & PP Điện	14.3%	-14.4%	-14.5%	5.1%	-4.1%
Đầu tư công	3.7%	-43.2%	7.6%	-42.1%	-16.8%
Hóa chất	15.3%	2.6%	6.4%	-1.7%	-10.4%
Cao su tự nhiên	31.4%	-39.8%	-5.1%	106.9%	25.6%
Bảo hiểm	7.5%	-46.6%	114.2%	10.5%	-16.5%
Ô tô và phụ tùng	35.4%	-38.5%	3.2%	-25.9%	-30.2%
Dịch vụ	12.8%	-15.7%	-19.5%	-8.3%	1.8%
BDS KCN	0.3%	-23.9%	3.9%	-16.3%	-28.5%
Viettel	8.5%	-36.5%	-8.3%	6.7%	182.6%
Du lịch	10.5%	-54.8%	27.1%	-0.2%	-19.6%
Công nghệ	-7.8%	-43.9%	-17.1%	2.2%	34.5%
Đường	-5.9%	11.8%	-4.9%	-25.4%	-8.0%

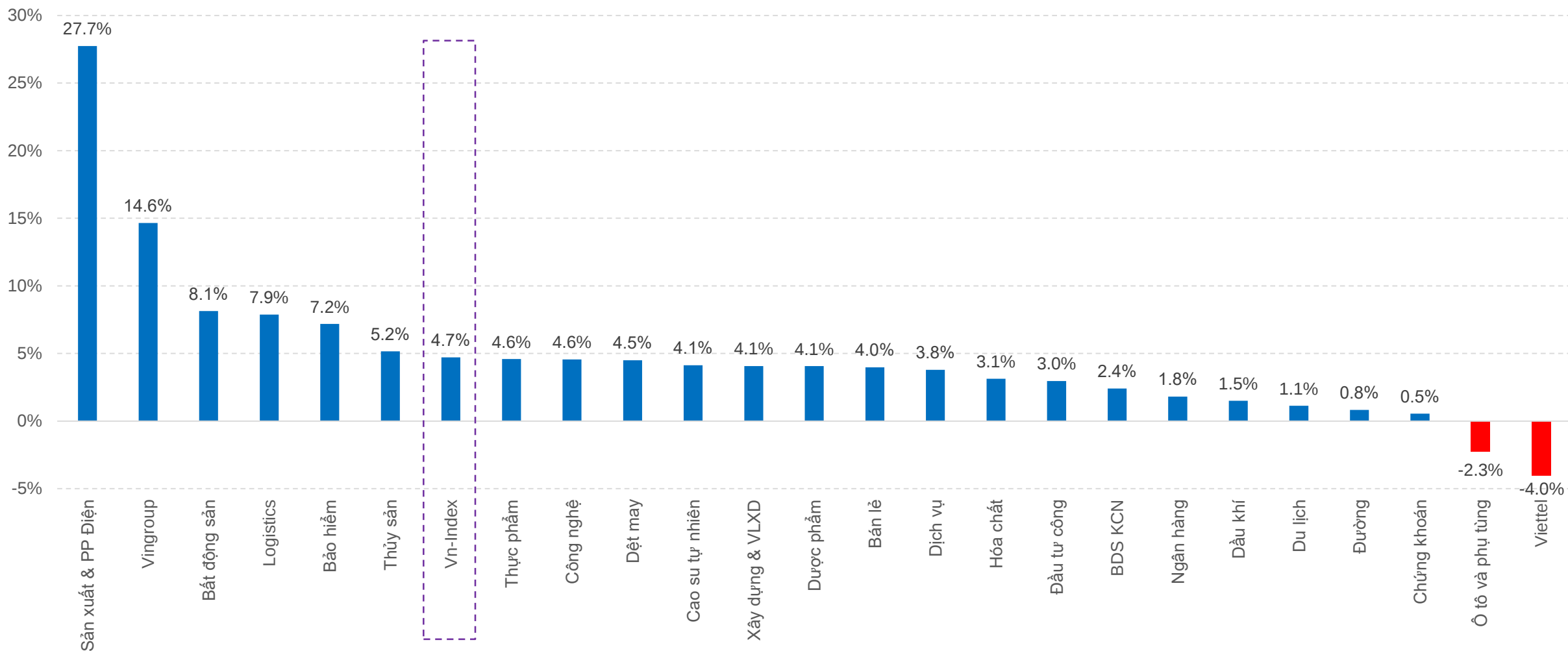
Nguồn: MBS Research

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	11/21/2025	11/14/2025	11/07/2025	10/31/2025	10/24/2025
Dầu khí	3.0%	4.6%	4.6%	2.1%	1.5%
Ngân hàng	18.8%	18.4%	19.4%	19.4%	21.2%
Chứng khoán	18.6%	20.1%	19.6%	18.8%	19.8%
Bất động sản	14.7%	12.1%	12.9%	14.0%	17.6%
Dệt may	0.7%	0.7%	0.4%	0.4%	0.2%
Bán lẻ	4.6%	3.3%	3.7%	3.7%	3.9%
Vingroup	7.2%	8.2%	7.0%	9.9%	7.3%
Xây dựng & VLXD	7.3%	6.3%	6.1%	5.0%	6.1%
Thực phẩm	4.4%	6.3%	5.1%	3.7%	6.0%
Thủy sản	1.3%	0.6%	0.8%	0.7%	0.4%
Logistics	2.5%	3.2%	2.9%	3.3%	1.9%
Dược phẩm	0.2%	0.3%	0.3%	0.2%	0.1%
Sản xuất & PP Điện	1.3%	1.1%	1.0%	1.2%	0.8%
Đầu tư công	1.4%	1.4%	1.9%	1.7%	2.1%
Hóa chất	3.7%	3.2%	2.4%	2.2%	1.6%
Cao su tự nhiên	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%	0.1%
Bảo hiểm	0.3%	0.3%	0.4%	0.2%	0.1%
Ô tô và phụ tùng	0.4%	0.3%	0.4%	0.4%	0.4%
Dịch vụ	2.8%	2.5%	2.3%	2.8%	2.1%
BDS KCN	1.7%	1.7%	1.8%	1.7%	1.4%
Viettel	1.3%	1.2%	1.5%	1.6%	1.1%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	3.6%	3.9%	5.3%	6.4%	4.4%
Đường	0.2%	0.2%	0.1%	0.1%	0.1%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Chỉ số Vn-Index thoát đáy 1.580 điểm (gần +5%), nhưng một số nhóm cổ phiếu vẫn chưa phục hồi nhiều như: Chứng khoán, dầu khí, Ngân hàng,thậm chí nhóm cổ phiếu Viettel còn thấp hơn vùng đáy này.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Mức chiết khấu của nhóm cổ phiếu Ngân hàng so với mức đỉnh 52 tuần (1 năm) và mức đỉnh khi Vn-Index gần ngưỡng 1.800 điểm

STT	MCK	Giá đóng cửa (21/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn- Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1654.93	-7.8	-7.8	1.2	-0.5	30.6
1	EIB	22.30	-29.5	-18.6	4.5	-6.3	15.5
2	TCB	34.25	-18.5	-18.5	-2.4	-9.0	42.6
3	VPB	28.55	-26.6	-17.6	2.7	-5.9	52.7
4	KLB	15.30	-22.3	-17.3	-1.3	-8.4	114.6
5	PGB	12.60	-16.6	-16.6	-2.3	-3.1	14.3
6	MBB	23.20	-21.4	-16.6	-1.3	-8.3	41.8
7	STB	51.30	-16.3	-16.3	6.8	-7.7	39.0
8	NVB	14.00	-27.1	-15.7	1.5	-9.1	57.3
9	VBB	11.10	-14.0	-14.0	-1.8	-1.7	44.3
10	CTG	49.10	-12.5	-12.5	1.1	-1.7	30.8
11	MSB	12.15	-22.2	-12.0	0.8	-1.6	25.2
12	SSB	17.15	-27.9	-11.8	0.9	-7.6	2.4
13	VAB	10.90	-26.9	-11.7	-0.5	-8.8	75.1
14	OCB	12.15	-21.1	-11.6	-1.2	-2.4	21.3
15	LPB	48.55	-11.2	-10.8	-2.7	-0.9	66.8

STT	MCK	Giá đóng cửa (21/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn- Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1654.93	-7.8	-7.8	1.2	-0.5	30.6
16	BAB	12.30	-24.54	-10.22	-2.4	-6.1	11.6
17	TPB	17.25	-20.62	-10.19	1.8	-0.6	16.6
18	VIB	18.55	-25.20	-9.95	0.3	-0.5	11.5
19	SHB	16.65	-14.40	-9.76	1.8	-2.1	111.4
20	ACB	24.70	-16.27	-9.19	-1.0	-1.2	14.6
21	HDB	31.20	-9.17	-9.17	4.5	-3.6	22.4
22	BVB	13.40	-24.29	-8.84	0.0	4.7	17.4
23	BID	37.60	-15.70	-8.39	-2.0	1.5	1.3
24	VCB	59.00	-15.89	-8.39	-1.7	-0.5	-2.6
25	NAB	14.45	-16.47	-4.62	1.1	0.4	13.3
26	SGB	13.20	-14.84	-4.35	1.5	1.5	4.8
27	ABB	14.80	-1.33	-1.33	6.5	17.5	100.0

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



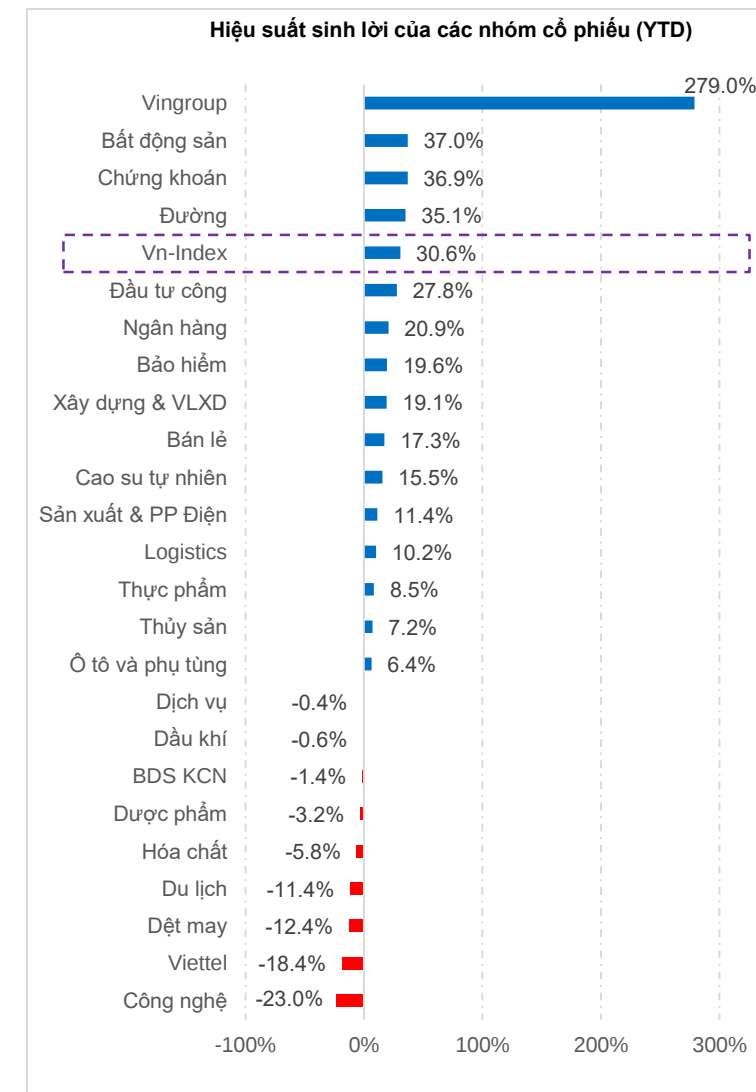
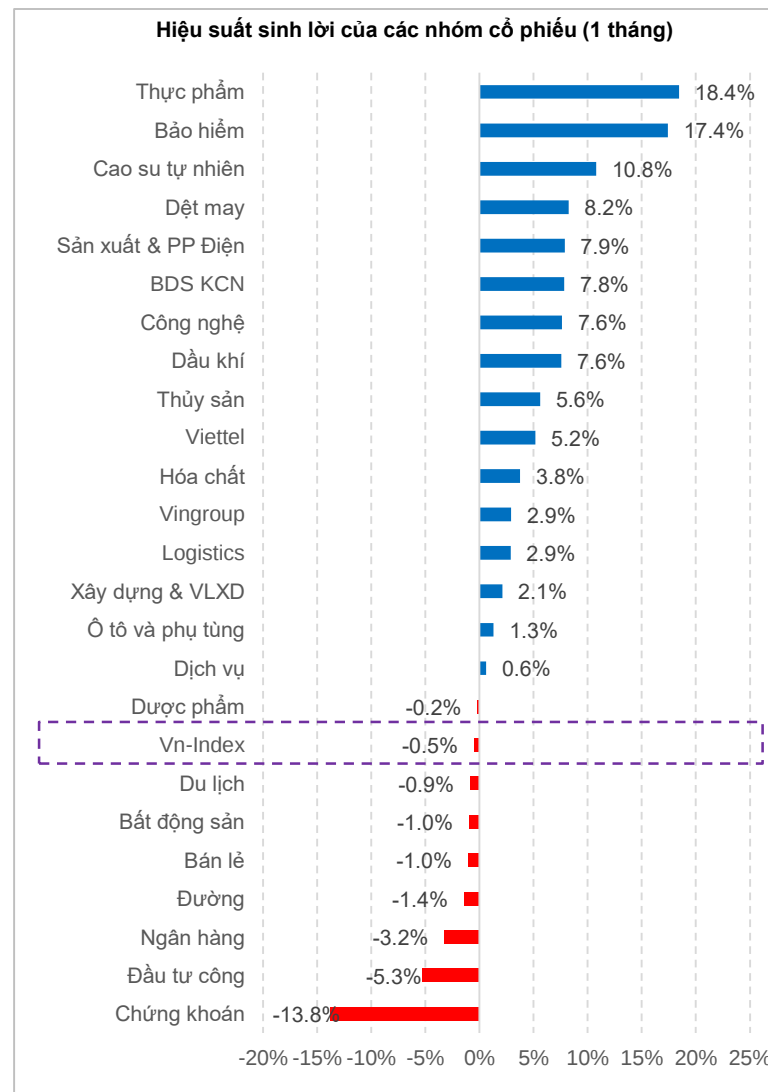
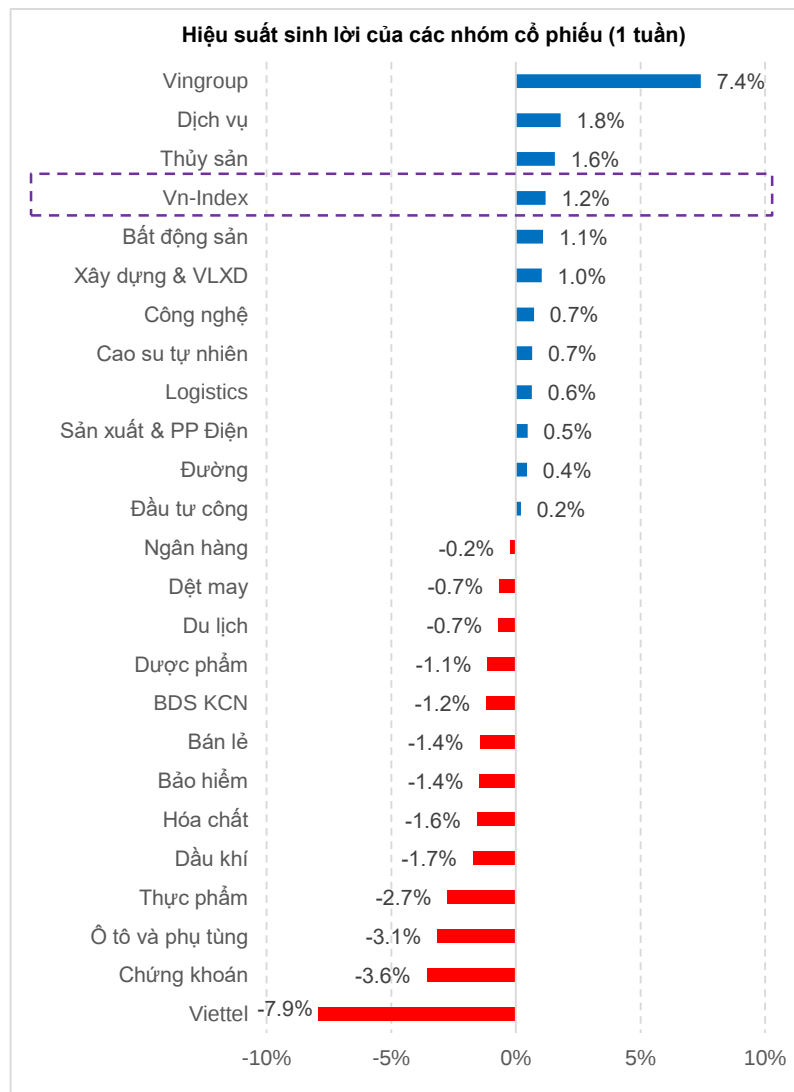
Mức chiết khấu của nhóm cổ phiếu Chứng khoán và BĐS so với mức đỉnh 52 tuần (1 năm) và mức đỉnh khi Vn-Index gần ngưỡng 1.800 điểm

STT	MCK	Giá đóng cửa (21/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn-Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1654.93	-7.8	-7.8	1.2	-0.5	30.6
1	VIX	23.30	-42.4	-42.4	-9.7	-32.9	148.9
2	CTS	35.00	-25.3	-25.1	-1.0	-15.4	41.1
3	VCI	34.35	-30.5	-23.9	-3.9	-8.9	4.2
4	SHS	21.60	-28.0	-23.4	-4.4	-12.9	99.4
5	VND	19.10	-30.2	-22.2	-2.8	-9.3	56.4
6	SSI	34.30	-20.8	-20.8	-1.9	-11.1	35.0
7	HCM	22.50	-26.0	-19.8	-0.4	-7.2	-1.0
8	MBS	29.20	-29.4	-18.7	-3.0	-1.0	16.5
9	TCI	10.05	-25.8	-15.6	0.0	-3.8	12.9
10	ORS	13.90	-18.2	-14.7	-1.4	-3.8	-1.1
11	AGR	15.50	-25.5	-13.4	-1.9	-2.5	-3.2
12	BSI	40.55	-30.5	-13.1	-2.2	-2.3	-8.2
13	BVS	32.20	-26.7	-13.0	-2.4	-1.0	-10.9
14	TVS	16.50	-25.2	-12.0	-1.5	-4.1	-8.7
15	FTS	33.20	-29.1	-9.0	-1.5	-0.8	-12.3
16	APG	11.00	-18.2	-8.3	-0.5	-6.0	64.9
17	ABW	10.70	-23.0	-6.1	2.9	2.9	27.4

STT	MCK	Giá đóng cửa (21/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn-Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1654.93	-7.8	-7.8	1.2	-0.5	30.6
1	HDC	27.90	-26.1	-26.1	-0.4	-13.2	24.8
2	TCH	20.50	-21.9	-21.9	-3.8	-4.7	56.9
3	CEO	26.00	-21.0	-21.0	0.8	-9.1	106.6
4	DXG	19.15	-21.8	-18.5	-0.5	-4.3	50.0
5	DIG	21.00	-16.3	-16.3	2.7	-4.1	28.4
6	PDR	22.60	-16.9	-16.3	1.8	-3.0	17.9
7	CII	26.30	-16.1	-16.1	4.6	-2.6	119.9
8	SJS	60.00	-29.3	-15.9	-1.2	-10.2	109.9
9	NTL	18.15	-19.3	-15.6	0.3	-6.0	-1.1
10	AGG	16.00	-27.6	-15.3	0.0	0.0	3.9
11	L14	31.80	-34.4	-15.2	-0.3	-0.9	-12.2
12	IJC	12.20	-16.7	-13.2	-2.0	-0.8	7.1
13	TAL	44.95	-11.5	-11.5	-0.1	-8.1	134.1
14	HDG	32.30	-11.3	-11.3	-1.2	4.2	24.7
15	NLG	35.95	-21.3	-10.5	-3.4	-2.2	8.7
16	NVL	15.40	-20.2	-9.1	8.8	6.9	50.2
17	KDH	34.85	-8.53	-4.39	0.6	9.8	6.3

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân 50 phiên lớn nhất thị trường

STT	MCK	Giá đóng cửa (21/11)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1654.93	1.2	-0.5	30.6	
1	SHB	16.65	1.8	-2.1	111.4	1,487
2	SSI	34.30	-1.9	-11.1	35.0	1,360
3	VIX	23.30	-9.7	-32.9	148.9	1,287
4	HPG	27.40	1.9	2.2	23.5	1,270
5	FPT	100.80	0.8	8.4	-23.4	1,049
6	VPB	28.55	2.7	-5.9	52.7	927
7	MSN	77.50	-0.6	-0.6	10.7	758
8	GEX	44.00	-2.4	-21.4	150.3	746
9	VIC	229.70	8.9	12.9	466.5	726
10	MBB	23.20	-1.3	-8.3	41.8	708
11	VHM	99.30	5.8	-10.5	148.3	679
12	CII	26.30	4.6	-2.6	119.9	669
13	MWG	80.00	-1.7	-3.6	33.0	599
14	TCB	34.25	-2.4	-9.0	42.6	590
15	CEO	26.00	0.8	-9.1	106.6	569

STT	MCK	Giá đóng cửa (21/11)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	SHS	21.60	-4.4	-12.9	99.4	546
17	HDB	31.20	4.5	-3.6	22.4	541
18	VND	19.10	-2.8	-9.3	56.4	514
19	DXG	19.15	-0.5	-4.3	50.0	512
20	STB	51.30	6.8	-7.7	39.0	474
21	CTG	49.10	1.1	-1.7	30.8	466
22	VRE	32.20	0.3	-17.0	87.8	419
23	DIG	21.00	2.7	-4.1	28.4	405
24	PDR	22.60	1.8	-3.0	17.9	402
25	VJC	194.60	10.3	8.1	94.6	383
26	VCI	34.35	-3.9	-8.9	4.2	363
27	ACB	24.70	-1.0	-1.2	14.6	331
28	VCG	24.25	0.6	-4.9	49.6	278
29	VSC	22.30	0.2	-6.3	80.9	275
30	VNM	59.90	-4.6	6.0	2.3	275

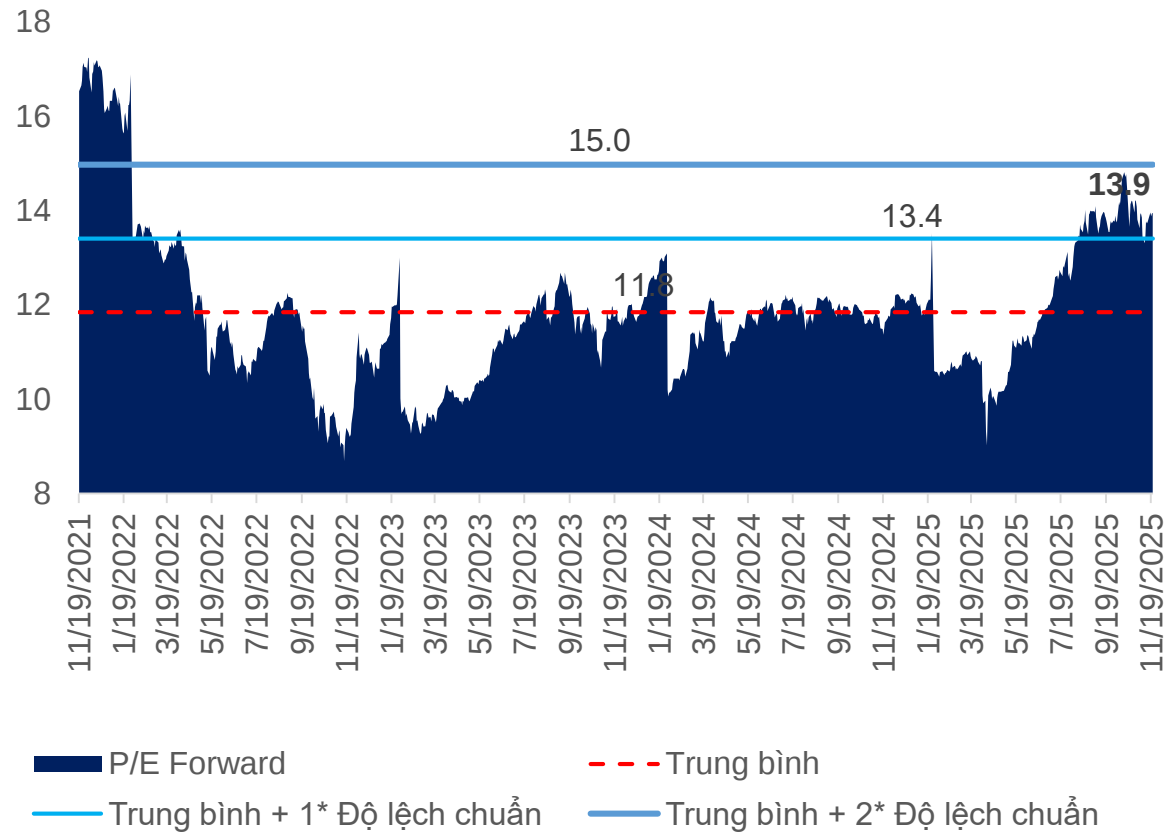
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Nếu chỉ số duy trì đóng cửa trên 1.670 điểm (vượt ngưỡng MA50) cuối tuần tới, xác suất vượt ngưỡng 1.700 điểm khá cao. Ngược lại, kịch bản thị trường điều chỉnh test lại vùng MA20 ở khu vực 1.640 điểm cũng không tệ, qua đó hình thành vùng đáy thứ 2 sau khi tạo đáy 1 ở vùng 1.580 điểm, nếu kịch bản này thành công thậm chí sẽ kích thích dòng tiền nội quay trở lại mạnh hơn khi đã có dấu hiệu kỹ thuật xác nhận



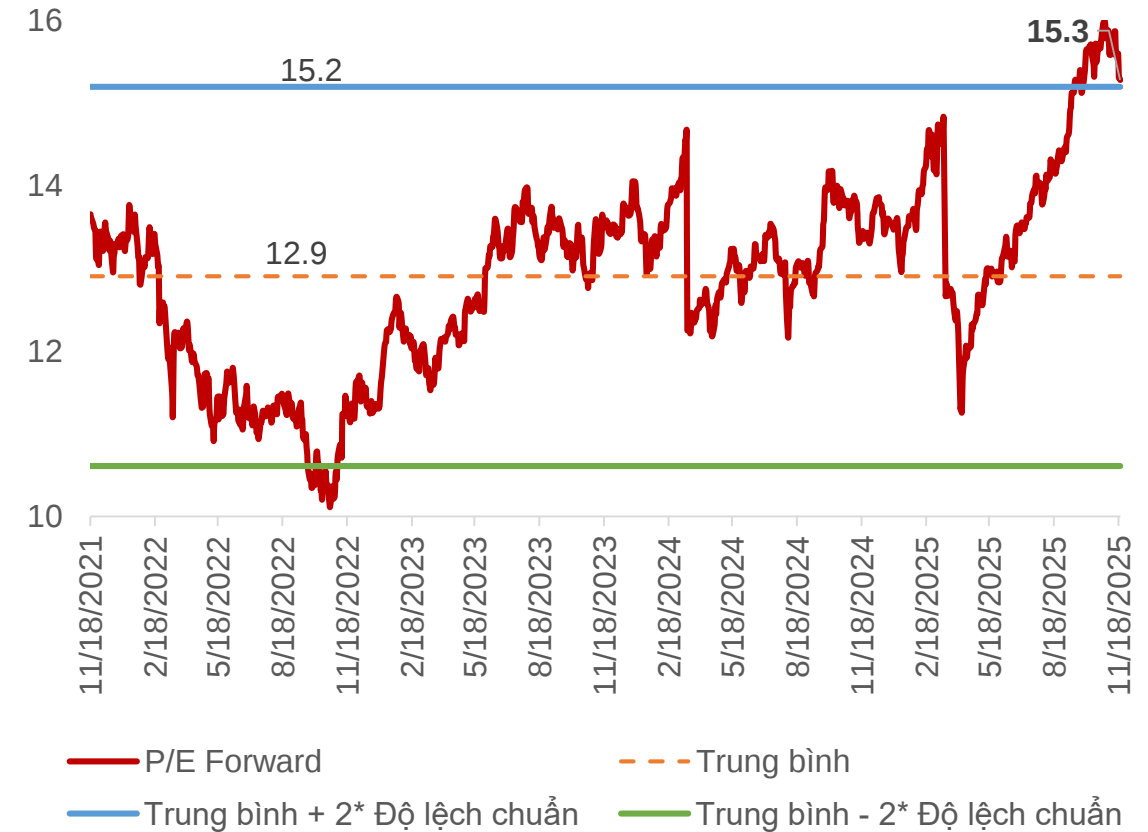
Định giá thị trường: Hệ số P/E dự phóng của thị trường Việt Nam và thị trường mới nổi trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của TTCKVN



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của thị trường mới nổi (Emerging)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Nhận định thị trường: Theo yếu tố mùa vụ, tháng 11 là tháng có hiệu suất tốt thứ hai trong năm

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	3.26	9.19	11.96	-1.22	-1.33	.93	
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng